

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **68** /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 10 – 2017

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng
2. Ông Trần Công Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 251/2017/TLST- HNGĐ ngày 21/7/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị T**, sinh năm 1993 (Có mặt)
Trú tại: Tổ 4, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh **Điều Tr**, sinh năm 1988 (Có mặt)
Trú tại: Tổ 7, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2017, quá trình thu thập chứng cứ và xét xử nguyên đơn chị Thị T trình bày:

Chị T và anh Điều Tr chung sống từ năm 2010 đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 03 tháng 4 năm 2012. Anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 và ly thân đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Tr còn hay uống rượu, đánh chửi vợ. Xét thấy vợ chồng đã

không còn tình cảm, thật sự không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Điều Tr.

Anh chị có 02 con chung là Thị Ngọc X, sinh ngày 22/01/2011; Điều Minh T, sinh ngày 25/3/2013. Sau khi kết hôn chị T và anh Tr sống tại nhà của cha mẹ chị T tại xã M. Năm 2015 khi xảy ra mâu thuẫn thì anh Tr đã về sống tại nhà mẹ ruột tại xã T, chị T tự chăm sóc nuôi dưỡng các con đến nay. Mỗi tháng anh Tr có gửi cho chị T tiền nuôi con là 300.000đ. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Chị T làm công nhân, thu nhập 7.000.000đ /tháng, có đủ khả năng để lo cho hai con, chị còn được cha mẹ giúp chăm sóc các con.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Kèm theo đơn khởi kiện chị T đã cung cấp cho Tòa án bản chính giấy chứng nhận kết hôn để làm căn cứ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2017, ngày 05/9/2017 và tại phiên toà anh Điều Tr trình bày:

Anh Tr trình bày thống nhất với chị T về thời gian kết hôn và thời gian anh chị sống ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh Tr xác định anh không đánh vợ, do thời gian chung sống anh có mâu thuẫn với cha mẹ vợ, chị T lại nghe lời cha mẹ nên đuổi anh Tr đi. Do vậy, từ năm 2015 anh về sống tại nhà cha mẹ ruột đến nay, con thì để cho chị T nuôi, anh có hỗ trợ tiền và gửi quà cho các con vào dịp lễ tết.

Trước yêu cầu ly hôn của chị T thì anh Điều Tr đồng ý vì vợ chồng đã không thể quay lại với nhau. Về con chung, anh Tr yêu cầu được nuôi con Điều Minh T, đồng ý giao con Thị Ngọc X cho chị T. Anh Tr làm nghề cạo mủ thuê, thu nhập khoảng 3.000.000đ/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án anh Tr không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến Trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tại phiên toà, hai đương sự cùng xác định có mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2015 đến nay và thống nhất thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Hai bên đều có nguyện vọng nuôi con, nhưng xét thấy từ năm 2015 đến nay hai con do chị T nuôi, để đảm bảo sự ổn định cho cuộc sống của hai cháu nên đề nghị tiếp tục giao hai con chị T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điều Tr có nơi cư trú tại xã T, huyện H, nên đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tr tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tại phiên tòa, chị Thị T và anh Điều Tr đều xác định hai người đã có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và thống nhất thuận tình ly hôn. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về con chung: Chị Thị T yêu cầu nuôi 02 con chung, anh Tr yêu cầu được nuôi con Điều Minh T, đồng ý giao con Thị Ngọc X cho chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị T và anh Tr ly thân năm 2015 đến nay chị T là người nuôi hai con, chị có thu nhập ổn định hơn so với anh Tr; Vì cháu Điều Minh T còn nhỏ, việc giao cho mẹ chăm sóc sẽ thuận lợi hơn; Đồng thời, để tránh gây xáo trộn ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập ổn định cho cháu Tân thì tiếp tục giao cháu Điều Minh T cho chị T nuôi dưỡng như quan điểm của đại diện viện kiểm sát là phù hợp.

Do chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thị T và anh Điều Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/4/2012 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con Thị Ngọc X, sinh ngày 22/01/2011; Điều Minh T, sinh ngày 25/3/2013 cho chị Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Thị T về việc không yêu cầu anh Điều Tr cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con;

3. Về án phí: Chị Thị T chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012243 ngày 21/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sự
- Nơi ĐKKH
- THADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Thủy